TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2022/QĐST –HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83,84, Điều 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/ VHN&GĐ - ST ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Vũ Văn T , sinh năm 1990;

ĐKHKTT: TDP Núi 1, phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Phạm Thị T , sinh năm 1989;

ĐKHKTT: TDP Cầu Thông 1, TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị T tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên (nay là UBND phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên. Đã được UBND xã Nam Tiến (nay là phường Nam Tiến) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2016 ngày 20/7/2016.

Sau khi kết hôn, do điều kiện công việc nên chị T công tác tại Đại Từ, Thái Nguyên còn anh T ở cùng với bố mẹ đẻ tại Nam Tiến, Phổ Yên. Vợ chồng thường xuyên không ở gần nhau nên đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nghi ngờ về tình cảm. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng có nhiều bất đồng về điểm sống, cách sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng đôi bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận

trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/12/2022 là tự nguyện, cần được chấp nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh Tuấn, chị Thuỷ xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Anh T , sinh ngày 26/12/2017.

Anh T , chị T thống nhất thoả thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung, cháu Vũ Anh T , sinh ngày 26/12/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T , Chị T thống nhất thoả thuận: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung cháu Vũ Anh T , sinh ngày 26/12/2017, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng/ tháng).

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: Anh T , Chị T thống nhất thoả thuận thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động(hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật).

Sau khi ly hôn, anh T được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng: anh T , chị T thống nhất thỏa thuận áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật trong trường hợp anh Tuấn chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Thuỷ theo thoả thuận.

[3]. Về tài sản chung: Anh T , chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Khoản nợ chung, cho vay chung: Anh T , chị T xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

[5].Về các vấn đề khác: Không có**.**

[6]. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Tuấn, chị Thuỷ thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị T.

- *Về con chung:* Công nhận sự thoả thuận của anh Vũ Văn T và chị Phạm Thị T về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể như sau:

Giao con chung, cháu Vũ Anh T , sinh ngày 26/12/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T , Chị T thống nhất thoả thuận: Anh T tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cùng chị Thủy đối với cháu Vũ Anh T , sinh ngày 26/12/2017, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng/ tháng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật).

Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng: Anh Tuấn, chị Thuỷ thống nhất thỏa thuận áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật trong trường hợp anh Tuấn chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Thuỷ theo thoả thuận.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với xác khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh Tuấn được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Khoản nợ chung, cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* Không có**.**

2. Về lệ phí Toà án: Anh T , chị T thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000đ lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002485 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận anh T , chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Nam Tiến (Đăng ký kết hôn số: 39/2016 ngày 20/7/2016);
- Cổng thông tin điện tử Toà án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà